

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2024/DS-ST  
Ngày: 04 - 9 - 2024  
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay  
tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Phước Sang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Thanh Nhân và bà Đào Thị Thu Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Nhật Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Phước Lợi – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2024/TLST-DS, ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 407/2024/QĐST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Hoàng C, sinh năm 1965; địa chỉ: Số I, tổ F, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang;

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng C1, sinh năm 1986; địa chỉ: Số I, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2024).

**2. Bị đơn:**

2.1. Bà Lê Thị Trúc H, sinh năm 1983; đăng ký thường trú: Tổ B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ C, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

2.2. Ông Trần Văn N, sinh năm 1982; đăng ký thường trú: Tổ B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Tổ C, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Nguyễn Chí C2, sinh năm 1986; địa chỉ: Tô F, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3.2. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Hoàng C do bà Nguyễn Thị Hồng C1 đại diện trình bày:*

Ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H là vợ chồng. Ông Nguyễn Văn Hoàng C với ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có mối quan hệ bà con, ông Nguyễn Văn Hoàng C là dưỡng của bà Lê Thị Trúc H.

Ông Nguyễn Văn Hoàng C nhiều lần cho ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H vay tiền, tổng số tiền cho vay là 400.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 27/9/2022 âm lịch (ngày 22/10/2022 dương lịch) cho ông N, bà H vay số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn vay khoảng 04 đến 05 tháng, lãi suất cho vay là 2,5%/tháng, việc cho vay có ghi vào sổ của ông C; trong ngày 22/10/2022, ông C đã giao số tiền 150.000.000 đồng cho ông N, bà H, việc giao nhận tiền thể hiện qua việc bà H có ký tên trong sổ của ông C, tuy trong sổ chỉ có bà H ký tên nhưng bà H và ông N cùng nhận tiền tại nhà ông C.

- Ngày 29/9/2022 âm lịch (ngày 24/10/2022 dương lịch) cho ông N, bà H vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay khoảng 04 đến 05 tháng, lãi suất cho vay là 2,5%/tháng, việc cho vay có ghi vào sổ của ông C; trong ngày 24/10/2022, ông C đã giao số tiền 150.000.000 đồng cho ông N, bà H, việc giao nhận tiền thể hiện qua việc bà H có ký tên trong sổ của ông C, tuy trong sổ chỉ có bà H ký tên nhưng bà H và ông N cùng nhận tiền tại nhà ông C.

- Ngày 04/10/2022 âm lịch (ngày 28/10/2022 dương lịch) cho ông N, bà H vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay khoảng 04 đến 05 tháng, lãi suất cho vay là 2,5%/tháng, việc cho vay có ghi vào sổ của ông C; trong ngày 28/10/2022, ông C đã giao số tiền 100.000.000 đồng cho ông N, bà H, việc giao nhận tiền thể hiện qua việc bà H có ký tên trong sổ của ông C, tuy trong sổ chỉ có bà H ký tên nhưng bà H và ông N cùng nhận tiền tại nhà ông C.

Đến ngày 02/11/2022 âm lịch (ngày 25/11/2022 dương lịch) ông C cùng ông N mới chốt lại số nợ thì xác định ông N, bà H còn nợ ông C số tiền 400.000.000 đồng. Việc ông C và ông N chốt lại số nợ thì ông C có ghi vào sổ của ông C và ông N có ký tên. Sau khi hai bên chốt lại số nợ thì ông N, bà H có hứa trong thời hạn 04 tháng hoặc 05 tháng sẽ trả toàn bộ số nợ cho ông C, lãi suất các bên vẫn thỏa thuận là 2,5%/tháng.

Sau đó, ông N và bà H có trả cho ông C số tiền lãi là 40.000.000 đồng, trong đó:

- Ngày 02/12/2022 âm lịch (ngày 24/12/2022 dương lịch) ông N, bà H có đóng số tiền lãi là 10.000.000 đồng.

- Ngày 02/01/2023 âm lịch (ngày 23/01/2023 dương lịch) ông N, bà H có đóng số tiền lãi là 10.000.000 đồng.

- Ngày 02/02/2023 âm lịch (ngày 21/02/2023 dương lịch) ông N, bà H có đóng số tiền lãi là 10.000.000 đồng.

- Ngày 02/02/2023 âm lịch (tháng nhuận) (ngày 23/3/2023 dương lịch) ông N, bà H có đóng số tiền lãi là 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày 21/4/2023 dương lịch ông N, bà H không còn đóng lãi cho ông C. Đồng thời, cũng không trả gốc cho ông C.

Ngoài ra, ông C có đưa cho ông Nguyễn Chí C2 số tiền 12.000.000 đồng và nhờ ông Nguyễn Chí C2 đưa số tiền này cho ông N, bà H vay để đóng tiền thuê chuyên quyền sử dụng đất, nhưng do ông N, bà H bận công việc nên ông N, bà H có nhờ ông Lê Văn H1 (cha ruột của bà H, cha vợ của ông N) đến để lấy số tiền 12.000.000 đồng, việc hai bên giao nhận số tiền 12.000.000 đồng không có làm biên nhận. Việc ông C cho ông N, bà H vay 12.000.000 đồng thì ông C không có tính lãi, việc cho vay chỉ bằng lời nói, không có lập văn bản.

Nay ông Nguyễn Văn Hoàng C yêu cầu bà Lê Thị Trúc H và ông Trần Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Hoàng C tổng số tiền 455.160.000 (bốn trăm năm mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi nghìn) đồng (trong đó: Vốn gốc là 412.000.000 (bốn trăm mười hai triệu) đồng; tiền lãi tạm tính từ ngày 21/4/2023 đến ngày 23/5/2024 là:  $400.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} = 43.160.000$  (bốn mươi ba triệu, một trăm sáu mươi nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh đối với số tiền vốn gốc 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng với mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 24/5/2024 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Biên nhận có chữ ký của bà Lê Thị Trúc H và ông Trần Văn N vào các ngày 27/9/2022 (âm lịch), 29/9/2022 (âm lịch), 04/10/2022 (âm lịch), 02/11/2022 (âm lịch).

*Bị đơn ông Trần Văn N trình bày:* Ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có vay tiền của ông Nguyễn Văn Hoàng C nhiều lần, đến ngày 02/11/2022 (âm lịch), ông C với ông N và bà H mới chốt lại số nợ và xác định ông N và bà H còn nợ ông Nguyễn Văn Hoàng C với tổng số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng. Sau khi vay, ông N và bà H có trả cho ông C được 40.000.000 đồng tiền lãi. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn Hoàng C có cho ông N và bà H vay số tiền 12.000.000 đồng để làm thủ tục chuyên quyền sử dụng đất cho ông C để cản trở nợ nhưng sau đó không thực hiện được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hiện nay, ông N và bà H còn nợ lại ông C tổng số tiền vốn gốc là 412.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện nay đang gặp khó khăn nên chưa trả được tiền vay cho ông Nguyễn Văn Hoàng C. Ông Trần Văn N xin ông

C giảm tiền lãi và hạn 08 tháng sau tính từ ngày 16/8/2024 sẽ trả toàn bộ số tiền nợ cho ông Nguyễn Văn Hoàng C.

Các đương sự khác vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Hoàng C do bà Nguyễn Thị Hồng C1 đại diện trình bày: Ông Nguyễn Văn Hoàng C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Yêu cầu ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Hoàng C số tiền vốn gốc là 412.000.000 (bốn trăm mười hai triệu) đồng, tiền lãi từ ngày 21/4/2023 đến ngày 21/8/2024:  $400.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} = 53.120.000$  (năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi nghìn) đồng.

Các đương sự khác vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Hoàng C. Buộc ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H2 Cương tiền vốn gốc là 412.000.000 (bốn trăm mười hai triệu) đồng, tiền lãi từ ngày 21/4/2023 đến ngày 21/8/2024 là 53.120.000 (năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi nghìn) đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn Hoàng C khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Hoàng C đối với số tiền đã vay là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”. Đồng thời, ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H (bị đơn) có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí C2 và ông Lê Văn H1 không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[1.3] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/8/2024, ông Trần Văn N xác định ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và biết được yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Hoàng C nhưng bà Lê

Thị Trúc H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Hoàng C và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Đồng thời, tại phiên tòa, ông Trần Văn N, bà Lê Thị Trúc H, ông Nguyễn Chí C2 và ông Lê Văn H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn N, bà Lê Thị Trúc H, ông Nguyễn Chí C2 và ông Lê Văn H1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Hoàng C yêu cầu ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Hoàng C số tiền vốn gốc 412.000.000 (bốn trăm mười hai triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Văn Hoàng C cho rằng, ông Nguyễn Văn Hoàng C có cho ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H vay tiền nhiều lần, đến ngày 02/11/2022 (âm lịch), hai bên mới chốt lại số nợ thì xác định ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H còn nợ ông Nguyễn Văn Hoàng C số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn trả nợ khoảng 04 đến 05 tháng, việc có vay thì ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có ký vào sổ nợ của ông Nguyễn Văn Hoàng C. Sau đó, ngày 21/3/2023, ông Nguyễn Văn Hoàng C tiếp tục cho ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H vay số tiền 12.000.000 đồng. Tổng số tiền mà ông Nguyễn Văn Hoàng C cho ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H vay là 412.000.000 đồng. Sau khi vay, ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nên ông Nguyễn Văn Hoàng C khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Hoàng C số tiền vốn gốc 412.000.000 đồng.

Ông Trần Văn N thừa nhận ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có vay tiền của ông Nguyễn Văn Hoàng C như lời trình bày của ông Nguyễn Văn Hoàng C và hiện nay còn nợ ông Nguyễn Văn Hoàng C số tiền vốn gốc là 412.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên không trả được nợ cho ông Nguyễn Văn Hoàng C theo thỏa thuận và xin hẹn sau 08 tháng (tính từ ngày 16/8/2024) sẽ trả nợ cho ông Nguyễn Văn Hoàng C.

Bà Lê Thị Trúc H đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Hoàng C.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có đủ căn cứ xác định giữa ông Nguyễn Văn Hoàng C với ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có xác lập hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 400.000.000 đồng và số tiền 12.000.000 đồng; sau khi vay, ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà các bên đã thỏa thuận và hiện nay còn nợ lại ông Nguyễn Văn Hoàng C số tiền vốn gốc là 412.000.000 đồng.

Xét thấy, việc xác lập giao dịch giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo Hợp đồng đã giao kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H không thực hiện trả nợ như đã cam kết, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu của ông Nguyễn Văn Hoàng C buộc ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn gốc 412.000.000 đồng là có sở sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn Hoàng C về việc buộc ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền 400.000.000 đồng trong thời gian từ 21/4/2023 đến ngày 21/8/2024 là 53.120.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Văn Hoàng C cho rằng, hợp đồng vay giữa ông Nguyễn Văn Hoàng C với ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H là hợp đồng vay có lãi, sau khi vay, ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H trả lãi đến ngày 02/02/2023 (âm lịch, tháng nhuận) (tương ứng ngày 23/3/2023 dương lịch) thì không tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận cho đến nay. Do đó, ông Nguyễn Văn Hoàng C yêu cầu ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền 400.000.000 đồng trong thời gian từ 21/4/2023 đến ngày 21/8/2024 là 53.120.000 đồng.

Ông Trần Văn N thừa nhận có vay của ông Nguyễn Văn Hoàng C số tiền 400.000.000 đồng và vay có lãi như ông Nguyễn Văn Hoàng C trình bày. Đối với bà Lê Thị Trúc H vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có đủ căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn Hoàng C với ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H đối với số tiền 400.000.000 đồng là hợp đồng vay tài sản có lãi; ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi mà các bên đã thỏa thuận.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn Hoàng C với ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H đối với số tiền vay 400.000.000 đồng là hợp đồng vay tài sản có lãi, sau khi vay, ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H không trả lãi theo thỏa thuận giữa các bên nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc ông Nguyễn Văn Hoàng C yêu cầu ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền 400.000.000 đồng đã vay từ ngày 21/4/2023 đến ngày 21/8/2024 là:  $400.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} = 53.120.000$  (năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi nghìn) đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn Hoàng C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Do ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Hoàng C nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 465.120.000 đồng phải trả cho ông Nguyễn Văn Hoàng C theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Hoàng C.

Buộc ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H2 Cương tiền còn nợ của khoản vay như sau:

Vốn gốc: 412.000.000 (bốn trăm mười hai triệu) đồng;

Tiền lãi từ ngày 21/4/2023 đến ngày 21/8/2024 là: 53.120.000 (năm mươi ba triệu, một trăm hai mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn N và bà Lê Thị Trúc H phải chịu 22.604.000 (hai mươi hai triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Hoàng C được nhận lại số tiền 11.103.000 (mười một triệu, một trăm lẻ ba nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0015541 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phước Sang**